

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 6 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Doanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Đăng Hùng và ông Vũ Như Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Bưởi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX-ST ngày 24 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nông Thị Thanh Ch, sinh năm 1992, có mặt

Nơi cư trú: Tổ 15, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

2. Bị đơn: Anh Chu Đàm H, sinh năm 1993, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 02 năm 2019, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nông Thị Thanh Ch trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Chu Đàm H kết hôn vào ngày 28 tháng 01 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Trước khi đi đến hôn nhân, chị và anh H có được tìm hiểu nhau khoảng hai năm và đi đến hôn nhân tự nguyện, không bị ai ép buộc và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi cưới, do công việc của chị làm việc tại thành phố B nên hai vợ chồng chị ở với mẹ đẻ của chị là bà Lưu Thị N tại tổ 15, phường S, thành phố

B. Khi sinh con đầu lòng thì hai vợ chồng chị về sống mẹ đẻ của anh H tại thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, nhưng được 40 ngày chị phải đi làm nên chị lại về ở với mẹ đẻ của chị. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh sau sáu tháng chung sống do anh H đi làm phụ xe tuyến Bắc Ninh - Tuyên Quang không quan tâm đến vợ con, chỉ thỉnh thoảng gọi điện về cho chị. Vợ chồng chị hay cãi chửi nhau qua điện thoại. Anh H không có đóng góp nuôi dạy con cái, mọi chi phí cho con đều do chị lo toan. Khoảng một năm nay, vợ chồng chị không liên lạc với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là cháu Chu Hải Đ, sinh ngày 02/6/2016. Hiện nay con đang ở với chị tại tổ 15, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không có.

* Tại bản tự khai đề ngày 06 tháng 5 năm 2019, bị đơn anh Chu Đàm H trình bày:

Về hôn nhân: Anh đăng ký kết hôn với chị Nông Thị Thanh Ch vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố B. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, kết hôn tự nguyện, không bị ép buộc hoặc lừa dối và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng anh không được hạnh phúc do tính cách không hợp, mỗi người có một quan điểm về cuộc sống. Vợ chồng anh đã ly thân từ năm 2018, không quan tâm đến nhau. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Chị Ch yêu cầu ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng anh có một người con chung là Chu Hải Đ, sinh ngày 02/6/2016, con đang ở với chị Ch. Khi ly hôn, anh chấp nhận cho chị Ch được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Ngày 17/5/2019 và ngày 24/5/2019, Tòa án nhân dân huyện B mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng chỉ có nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát huyện B phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa trong quá trình tố tụng và thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Bị đơn không chấp hành pháp luật tố tụng dẫn đến vụ án kéo dài.

- Về giải quyết vụ án: Vợ chồng chị Ch, anh H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn, như vậy quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài, không còn quan tâm đến nhau.

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, đề nghị HĐXX:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Nông Thị Thanh Ch.

+ Về con chung: Giao con Chu Hải Đ cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Ch không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên thừa nhận không có nên yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị Nông Thị Thanh Ch phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Yêu cầu khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn Ba Phường, xã Cẩm Giàng, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

[2] Về quan hệ vợ chồng: Chị Nông Thị Thanh Ch và anh Chu Đàm H đăng ký kết hôn vào ngày 28/01/2016 tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Hai bên có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng chị Ch, anh H có phát sinh mâu thuẫn do cách sống khác nhau, tính cách không hợp. Mâu thuẫn vợ chồng được cả hai bên thừa nhận. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng thể hiện là từ năm 2018 đến nay hai người đã ly thân, không ai quan tâm đến ai. Quá trình tố tụng, anh H cũng nhất trí ly hôn. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ch.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị Ch, anh H có một người con chung là Chu Hải Đ, sinh ngày 02/6/2016. Hiện nay cháu Đ đang ở với chị Ch. Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của cháu Đ tại tổ 15, phường S, thành phố B được biết sau khi kết hôn, chị Ch vẫn sinh sống và sinh

hoạt tại tổ 15, phường S, còn anh H không sinh sống tại tổ 15, phường S, chỉ thỉnh thoảng về thăm vợ con hai đến ba hôm rồi lại đi . Xác minh tại nơi cư trú của anh H tại thôn B, xã C, huyện B được biết anh H không thường xuyên có mặt tại địa phương . Như vậy, anh H không quan tâm và không có điều kiện chăm sóc con tốt bằng chị Ch . Hơn nữa, trong bản tự khai và trong đơn xin xét xử vắng mặt, anh H chấp nhận giao con cho chị Ch nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Chu Hải Đ còn nhỏ, từ khi vợ chồng chị Ch anh H ly thân, cháu Đ vẫn chung sống với mẹ, nên việc giao con cho chị Ch nuôi dưỡng là hợp lý, đảm bảo cho sự phát triển của con. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu về nuôi con của nguyên đơn.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung : Quá trình tố tụng và tại phiên tòa , chị Ch không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đều thừa nhận không có tài sản chung, nợ chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nông Thị Thanh Ch phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Nông Thị Thanh Ch được ly hôn anh Chu Đàm H.

2. Về con chung: Chị Nông Thị Thanh Ch được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Chu Hải Đ, sinh ngày 02/6/2016 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị Nông Thị Thanh Ch không yêu cầu anh Chu Đàm H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Chu Đàm H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

Chị Nông Thị Thanh Ch phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo Biên lai thu số 08641 lập ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- UBND phường S;
- THADS huyện B;
- Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thế Doanh

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Đăng Hùng Vũ Như Cường

Nguyễn Thế Doanh

